

<p>144. Kinh Giáo Giới Channa</p>	<p>144. Advice to Channa (Channovāda Sutta)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p>
<p>144. Kinh Giáo giới Channa (P. <i>Channovādasuttaṃ</i>, H. 教闡陀經).¹⁴⁰ Tuy 2 Tôn giả Sāriputta và Mahācunda động viên Tôn giả Channa hãy kham nhẫn, đồng thời quán chiếu 6 giác quan, 6 đối tượng, 6 nhận thức không phải là ta, sở hữu của ta, tự ngã của ta để vô hiệu hóa cơn đau trên thân, nhưng Tôn giả Channa không chịu đựng nổi, đã tự tử sau đó vì quá đau nhức. Bài kinh dạy phương pháp phi ngã hóa nỗi đau trên thân và nỗi khổ trong tâm, không đánh đồng thân và tâm là tôi, tự ngã của tôi, và sở hữu của tôi, nhằm vượt qua hội chứng trầm cảm và tự tử.</p>	<p>144. Channovāda Sutta: Advice to Channa. The venerable Channa, gravely ill, takes his own life despite the attempts of two brother-monks to dissuade him.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Ñāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p>
<p>Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương xá), Veluvana (Trúc-lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Lúc bấy giờ Tôn giả Sāriputta (Xá lợi phất), Tôn giả Mahā Cunda (Đại Chu-na) và Tôn giả Channa (Xiển-đà) cùng trú ở Gijjhakuta (Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Tôn giả Channa bị bệnh, đau khổ, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahā Cunda, sau khi đến, nói với Tôn giả Mahā Cunda: -- Chúng ta hãy đi, này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi</p>	<p>1. THUS HAVE I HEARD. On one occasion the Blessed One was living at Rājagaha in the Bamboo Grove, the Squirrels' Sanctuary. 2. Now on that occasion the venerable Sāriputta, the venerable Mahā Cunda, and the venerable Channa were living on the mountain Vulture Peak. 3. On that occasion the venerable Channa was afflicted, suffering, and gravely ill. Then, when it was evening, the venerable Sāriputta rose from meditation, went to the venerable Mahā Cunda, and said to him: "Friend Cunda, let us go to the venerable Channa and ask</p>

đến Tôn giả Channa để hỏi thăm bệnh trạng.

-- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahā Cunda vâng đáp Tôn giả Sāriputta.

Rồi Tôn giả Sāriputta cùng với Tôn giả Mahā Cunda đi đến Tôn giả Channa; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Channa những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Channa:

-- Nay Hiền giả Channa, mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng! Mong rằng khổ thọ được giảm thiểu không có gia tăng, và sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng!

-- Thừa Hiền giả Sāriputta, tôi không có thể kham nhẫn, tôi không có thể chịu đựng. Sự thống khổ của tôi gia tăng không có giảm thiểu, và sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu.

Thừa Hiền giả Sāriputta, tôi sẽ đem dao (cho tôi). Tôi không còn muốn sống.

-- Tôn giả Channa, chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa, hãy tiếp tục sống! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa tiếp tục sống.

Nếu Tôn giả Channa không có các món ăn tốt lành, tôi sẽ đi tìm các món ăn tốt lành cho Tôn giả Channa.

Nếu Tôn giả Channa không có các dược phẩm tốt lành, tôi sẽ đi tìm các dược phẩm tốt lành cho Tôn giả Channa.

Nếu Tôn giả Channa không có người thị giả thích đáng, tôi sẽ hầu hạ Tôn giả Channa.

about his illness.”

— “Yes, friend,” the venerable Mahā Cunda replied.

4. Then the venerable Sāriputta and the venerable Mahā Cunda went to the venerable Channa and exchanged greetings with him. When [264] this courteous and amiable talk was finished, they sat down at one side and the venerable Sāriputta said to the venerable Channa:

“I hope you are getting well, friend Channa, I hope you are comfortable. I hope your painful feelings are subsiding and not increasing, and that their subsiding, not their increase, is apparent.”

5. “Friend Sāriputta, I am not getting well, I am not comfortable. My painful feelings are increasing, not subsiding;... (as Sutta 143, §4)... their increase and not their subsiding is apparent.

I shall use the knife,¹³⁰⁷ friend Sāriputta; I have no desire to live.”

6. “Let the venerable Channa not use the knife. Let the venerable Channa live. We want the venerable Channa to live.

If he lacks suitable food, I will go in search of suitable food for him.

If he lacks suitable medicine, I will go in search of suitable medicine for him.

If he lacks a proper attendant, I will attend on him.

Let the venerable Channa not use the knife. Let the

Tôn giả Channa chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa hãy tiếp tục sống! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa tiếp tục sống.

-- Thưa Hiền giả Sāriputta, không phải tôi không có các món ăn tốt lành, cũng không phải tôi không có các dược phẩm tốt lành. Cũng không phải tôi không có thị giả thích đáng.

Thưa Hiền giả Sāriputta, trong một thời gian dài, tôi đã hầu hạ bậc Đạo Sư, làm cho (bậc Đạo sư) được đẹp lòng, không phải không được đẹp lòng.

Thưa Hiền giả Sāriputta, thật là thích đáng cho người đệ tử hầu hạ bậc Đạo Sư, làm cho (bậc Đạo Sư) được đẹp lòng, không phải không được đẹp lòng.

Tỷ-kheo Channa đem lại con dao không có phạm tội. Thưa Hiền giả Sāriputta, hãy thọ trì như vậy!

-- Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Channa về một vấn đề đặc biệt, nếu Tôn giả Channa cho chúng tôi được phép đặt câu hỏi.

-- Hãy hỏi đi, Hiền giả Sāriputta; sau khi nghe, tôi sẽ biết (nói như thế nào).

-- Hiền giả Channa, Hiền giả có xem con mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là:

"Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi? "

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem tai, nhĩ thức...

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem mũi, tỷ thức...

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem lưỡi, thiệt thức...

venerable Channa live. We want the venerable Channa to live."

7. "Friend Sāriputta, it is not that I have no suitable food and medicine or no proper attendant.

But rather, friend Sāriputta, the Teacher has long been worshipped by me with love, not without love;

for it is proper for the disciple to worship the Teacher with love, not without love.

Friend Sāriputta, remember this: the bhikkhu Channa will use the knife blamelessly."¹³⁰⁸

8. "We would ask the venerable Channa certain questions, if the venerable Channa finds it opportune to reply."

"Ask, friend Sāriputta. When I have heard, I shall know."

9. "Friend Channa, do you regard the eye, eye-consciousness, and things cognizable [by the mind] through eye-consciousness thus:

'This is mine, this I am, [265] this is my self?'

Do you regard the ear...

the nose...

the tongue...

the body...

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem thân, thân thức...

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

-- Hiền giả Sāriputta, tôi xem mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là:

"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Hiền giả Sāriputta, tôi xem tai, nhĩ thức...

Hiền giả Sāriputta, tôi xem mũi, tỷ thức...

Hiền giả Sāriputta, tôi xem lưỡi, thiệt thức...

Hiền giả Sāriputta, tôi xem thân, thân thức...

Hiền giả Sāriputta, tôi xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

-- Nay Hiền giả Channa, Hiền giả đã thấy cái gì, đã chứng tri cái gì trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp được mắt nhận thức mà Hiền giả xem mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là:

"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi?"

Hiền giả Channa, Hiền giả đã thấy cái gì, đã chứng tri cái gì trong tai, trong nhĩ thức... trong mũi, trong tỷ thức... trong lưỡi, trong thiệt thức... trong thân, trong thân thức...

trong ý, trong ý thức và trong các pháp do ý nhận thức mà Hiền giả xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

the mind, mind-consciousness, and things cognizable [by the mind] through mind-consciousness thus: 'This is mine, this I am, this is my self'?"

"Friend Sāriputta, I regard the eye, eye-consciousness, and things cognizable [by the mind] through eye-consciousness thus:

'This is not mine, this I am not, this is not my self.'

I regard the ear...

the nose...

the tongue...

the body...

the mind, mind-consciousness, and things cognizable [by the mind] through mind-consciousness thus: 'This is not mine, this I am not, this is not my self.'"

10. "Friend Channa, what have you seen and directly known in the eye, in eye-consciousness, and in things cognizable [by the mind] through eye-consciousness, that you regard them thus:

'This is not mine, this I am not, this is not my self'?

What have you seen and directly known in the ear... in the nose... in the tongue... in the body...

in the mind, in mind-consciousness, and in things cognizable [by the mind] through mind-consciousness, that you regard them thus: 'This is not mine, this I am not, this is not my self'?"

-- Thừa Hiền giả Sāriputta, chính vì tôi thấy sự diệt (*nirodha*), chứng tri sự diệt trong mắt, trong nhãn thức và trong các pháp do mắt nhận thức, mà tôi xem mắt, nhãn thức, và các pháp do mắt nhận thức là:

"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Thừa Hiền giả Sāriputta, chính vì tôi thấy sự diệt, chứng tri sự diệt trong tai, trong nhĩ thức... trong mũi, trong tỷ thức... trong lưỡi, trong thiệt thức... trong thân, trong thân thức...

trong ý, trong ý thức và trong các pháp do ý nhận thức mà tôi xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Mahā Cunda nói với Tôn giả Channa:

-- Do vậy, này Hiền giả Channa, lời dạy này của Thế Tôn phải được thường trực tác ý:

"Ai có chấp trước là có dao động.

Ai không chấp trước là không có dao động.

Không có dao động, thời có khinh an;

có khinh an thời không có hy cầu (*nati*);

không có hy cầu thời không có khứ lai;

"Friend Sāriputta, it is through seeing and directly knowing cessation in the eye, in eye-consciousness, and in things cognizable [by the mind] through eye-consciousness, that I regard them thus:

'This is not mine, this I am not, this is not my self.'

It is through seeing and directly knowing cessation in the ear... in the nose... in the tongue... in the body...

in the mind, in mind-consciousness, and in things cognizable [by the mind] through mind-consciousness, [266] that I regard them thus: 'This is not mine, this I am not, this is not my self.'"

11. When this was said, the venerable Mahā Cunda said to the venerable Channa:¹³⁰⁹

"Therefore, friend Channa, this instruction of the Blessed One's is to be constantly given attention:

'There is wavering in one who is dependent,

there is no wavering in one who is independent;

when there is no wavering, there is tranquillity;

when there is tranquillity, there is no bias;

when there is no bias, there is no coming and going;

không có khứ lai thời không có tử sanh;

không có tử sanh thời không có đời này, không có đời sau, không có giữa hai đời.

Như vậy là sự đoạn tận đau khổ".

Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahā Cunda sau khi giáo giới cho Tôn giả Channa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Channa, sau khi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahā Cunda ra đi không bao lâu, đem dao lại (cho mình).

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Channa đã đem dao lại (cho mình), sanh xứ của Tôn giả ấy là gì? Đời sống tương lai là gì?

-- Nay Sāriputta, có phải trước mặt Ông, Tỷ-kheo Channa đã tuyên bố sự không phạm tội?

-- Bạch Thế Tôn, có một ngôi làng của dòng họ Vajji (Bạt-kỳ) tên là Pubbajira. Tại đấy, có những gia đình thân hữu, những gia đình hộ trì Tôn giả Channa, những gia đình cần được viếng thăm.

-- Nay Sāriputta, có những gia đình ấy là những gia đình thân hữu, những gia đình hộ trì Tỷ-kheo Channa, những gia đình cần được viếng thăm.

when there is no coming and going, there is no passing away and reappearing;

when there is no passing away and reappearing, there is no here nor beyond nor in between.

This is the end of suffering."¹³¹⁰

12. Then when the venerable Sāriputta and the venerable Mahā Cunda had advised the venerable Channa thus, they rose from their seats and went away.

Then, soon after they had gone, the venerable Channa used the knife.¹³¹¹

13. Then the venerable Sāriputta went to the Blessed One, and after paying homage to him, he sat down at one side and said to the Blessed One:

"Venerable sir, the venerable Channa has used the knife. What is his destination, what is his future course?"

"Sāriputta, didn't the bhikkhu Channa declare to you his blamelessness?"¹³¹²

"Venerable sir, there is a Vajjian village called Pubbajira. There the venerable Channa had friendly families, intimate families, approachable families [as his supporters]."¹³¹³

"Indeed, Sāriputta, the bhikkhu Channa had friendly families, intimate families, approachable families [as his supporters];

Này Sāriputta, cho đến nay, Ta không nói rằng Tỷ-kheo Channa có phạm tội. Này Sāriputta, ai quăng bỏ thân này, và chấp thủ thân khác, Ta nói rằng người ấy có phạm tội. Tỷ-kheo Channa không có (chấp thủ) như vậy.

Tỷ-kheo Channa đem con dao lại (cho mình), không có phạm tội.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sāriputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

but I do not say that to this extent he was blameworthy. Sāriputta, when one lays down this body and takes up a new body, then I say one is blameworthy.

This did not happen in the case of the bhikkhu Channa; the bhikkhu Channa used the knife blamelessly.”¹³¹⁴

That is what the Blessed One said. The venerable Sāriputta was satisfied and delighted in the Blessed One’s words.

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society’s edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

1307. This is an elliptical expression for committing suicide.

1308. By making this statement he is implicitly claiming arahantship, as will be made clear at §13. Whether his claim at this point was valid or not is uncertain, the commentary regarding it as a case of self-overestimation.

1309. MA says that Ven. Mahā Cunda gave him this instruction thinking that he must still be an ordinary person, since he could not endure the deadly pains and wanted to commit suicide.

1310. The sense of this instruction might be explained with the help of MA thus: One is dependent because of

craving and views and becomes independent by abandoning them with the attainment of arahantship. Bias (*nati*, lit. bending) comes about through craving, and its absence means there is no inclination or desire for existence. There is no coming and going by the ending of rebirth and death, no here nor beyond nor in between by the transcendence of this world, the world beyond, and the passage between one and the other. This is the end of the suffering of defilements and the suffering of the round.

1311. MA: He cut his throat, and just at that moment the fear of death descended on him and the sign of future rebirth appeared. Recognising that he was still an ordinary person, he was aroused and developed insight. Comprehending the formations, he attained arahantship just before he expired.

1312. MA: Although this declaration (of blamelessness) was made while Channa was still a worldling, as his attainment of final Nibbāna followed immediately, the Buddha answered by referring to that very declaration. It should be noted that this commentarial interpretation is imposed on the text from the outside, as it were. If one sticks to the actual wording of the text it seems that Channa was already an arahant when he made his declaration, the dramatic punch being delivered by the failure of his two brother-monks to recognise this. The implication, of course, is that excruciating pain might motivate even an arahant to take his own life—not from aversion but simply from a wish to be free from unbearable pain.

1313. The terms used to describe the lay families which supported the Venerable ChannaÑ*mittakulāni suhajjakulāni*

upavajjakulāni— are obviously synonymous. The third term gives the opportunity for a word play. MA glosses it *upasankamitabbakulāni*, “families to be approached” (that is, for his requisites). According to CPD, *upavajja* here represents Skt *upavrajya*; the word in this sense is not in PED, though this may be the only instance where it bears such a meaning. The word is homonymous with another word meaning “blameworthy,” representing Skt *upavadya*, thus linking up with Channa’s earlier avowal that he would kill himself blamelessly (*anupavajja*). See the following note.

1314. This statement seems to imply that Channa was an arahant at the time he committed suicide, though the commentary explains otherwise. When the Buddha speaks about the conditions under which one is blameworthy (*sa-upavajja*), *upavajja* represents *upavadya*. Though earlier MA explained the correct sense of *upavajjakulāni*, here the commentator seems oblivious to the pun and comments as if Channa had actually been at fault for associating too closely with lay people: “The Elder Sāriputta, showing the fault of intimacy with families (*kulasam̐saggadosa*) in the preliminary stage of practice, asks: ‘When that bhikkhu had such supporters, could he have attained final Nibbāna?’ The Blessed One answers showing that he was not intimate with families.”